

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2023.
V/v: Ly hôn giữa anh D và chị
H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Màng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh LKD, sinh năm 1984. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị LTLH, sinh năm 1985. Có đề nghị xử vắng mặt.

Đều trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Công Hoàng, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt;

Bà LTB, trú tại: Tiểu khu NC, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh LKD trình bày:

Anh và chị LTLH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 26/01/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị LTLH.

Về con chung: Có hai con là LNTL, sinh ngày 19/11/2014; LBD, sinh ngày 05/02/2017, anh trực tiếp nuôi con LNTL. Chị LTLH trực tiếp nuôi con LBD. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản hai bên đã có biên bản thỏa thuận ngày 05/5/2023 đề nghị Tòa án ghi nhận:

Anh LKD được quyền sở hữu:

Về đất ở diện tích 210m², thuộc thửa số 105-1, tờ bản đồ 62, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri H 241926, sổ vào sổ GCN: 00161QSĐĐ/QĐ128, QĐ-UBND ngày 01/8/1993 mang tên LTĐ, địa chỉ thửa đất Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Được sang tên đổi chủ sử dụng đất cho anh LKD ngày 23/12/2013, theo HĐTC QSĐĐ số: 2776/48/SCTHĐCN-QSĐĐ ngày 12/12/2013.

Trên đất có nhà xây 04 gian, cấp 4, diện tích 210m², xây dựng năm 2012.

Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng. Chia làm hai lần:

Lần một 100.000.000, đồng vào ngày 05/5/2023.

Lần hai 50.000.000, đồng vào ngày 31/12/2023.

Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay còn nợ số tiền là 204.600.000, đồng. Anh là người chịu trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn chị LTLH trình bày: Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như anh LKD trình bày, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con là LNTL, sinh ngày 19/11/2014; LBD, sinh ngày 05/02/2017, anh LKD trực tiếp nuôi con LNTL. Chị LTLH trực tiếp nuôi

con LBD. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản: Chị nhất trí theo sự thỏa thuận ngày 05/5/2023 để lại nhà và đất cho anh LKD sở hữu, Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng. Chia làm hai lần: Lần một 100.000.000, đồng vào ngày 05/5/2023. Lần hai 50.000.000, đồng vào ngày 31/12/2023. Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay còn nợ số tiền là 204.600.000, đồng. Anh LKD là người chịu trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La (Agribank) trình bày:

Căn cứ vào HĐTD số 7905LAV202200249 ngày 15/4/2022. Hai vợ chồng anh LKD và chị LTLH có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La, ngày vay 15/4/2022. Số tiền gốc vay 300.000.000, đồng, thanh toán trả nợ bằng lương của anh LKD, tính đến nay đã trả 95.400.000, đồng còn nợ 204.600.000, đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh LKD là người trả nợ.

Bà LTB trình bày: Bà công nhận sự thỏa thuận ngày 05/5/2023 có sự tham gia và nhất trí của bà với nội dung để lại nhà và đất cho anh LKD sở hữu, Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng. Chia làm hai lần: Lần một 100.000.000, đồng vào ngày 05/5/2023. Lần hai 50.000.000, đồng vào ngày 31/12/2023. Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024. Đồng thời bà rút toàn bộ nội dung yêu cầu độc lập ngày 19/6/2023 đối với yêu cầu đòi nhà, đất, tiền thuê nhà.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 63, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho anh LKD được ly hôn chị LTLH.

Về con chung: Anh LKD trực tiếp nuôi con LNTL, sinh ngày 19/11/2014. Chị LTLH trực tiếp nuôi dưỡng con LBD, sinh ngày 05/02/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Ghi nhận yêu cầu của anh LKD, chị LTLH, bà LTB như sau:

Anh LKD được quyền sở hữu: Về đất ở diện tích 210m², thuộc thửa số 105-1, tờ bản đồ 62, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri H 241926, số vào sổ GCN: 00161QSDĐ/QĐ128, QĐ-UBND ngày 01/8/1993 mang tên LTB, địa chỉ thửa đất Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Được sang tên đổi chủ sử dụng đất cho anh LKD ngày 23/12/2013, theo HĐTC QSDĐ số: 2776/48/SCTHĐCN-QSDĐ ngày 12/12/2013. Trên đất có nhà xây 04 gian, cấp 4, diện tích 210m², xây dựng năm 2012.

Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Chia làm hai lần:

Lần một 100.000.000, đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 05/5/2023.

Lần hai 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng) vào ngày 31/12/2023.

Quyền lưu cư: Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024.

Về nợ chung:

Anh LKD có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo HĐTD số 7905LAV202200249 ngày 15/4/2022. Số tiền còn phải thanh toán trả nợ là 204.600.000, đồng (hai trăm linh bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), theo định kỳ hạn trả nợ ngày 25 hằng tháng, cho đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi nhà, đất, tiền thuê nhà của bà LTB.

Các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Anh LKD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị LTLH. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Bà LTB đều đã nhận tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh LKD và chị LTLH có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục

được. Hai người sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh LKD và chị LTLH đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh LKD yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh LKD được ly hôn chị LTLH.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và của đương sự. Anh LKD trực tiếp nuôi con LNTL, sinh ngày 19/11/2014. Chị LTLH trực tiếp nuôi dưỡng con LBD, sinh ngày 05/02/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ Điều 59, Điều 63 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của anh LKD, chị LTLH, bà LTB ghi nhận thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận ngày 05/5/2023 như sau:

Anh LKD được quyền sở hữu: Về đất ở diện tích 210m², thuộc thửa số 105-1, tờ bản đồ 62, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri H 241926, sổ vào sổ GCN: 00161QSDĐ/QĐ128, QĐ-UBND ngày 01/8/1993 mang tên LTB, địa chỉ thửa đất Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Được sang tên đổi chủ sử dụng đất cho anh LKD ngày 23/12/2013, theo HĐTC QSDĐ số: 2776/48/SCTHĐCN-QSDĐ ngày 12/12/2013.

Trên đất có nhà xây 04 gian, cấp 4, diện tích 210m², xây dựng năm 2012.

Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng. Chia làm hai lần:

Lần một 100.000.000, đồng vào ngày 05/5/2023.

Lần hai 50.000.000, đồng vào ngày 31/12/2023.

Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024.

Căn cứ kết quả xem xét tại chỗ 14/7/2023 diện tích đất 210m² và nhà xây 04 gian, cấp 4, diện tích 210m² trên đất có các phía tiếp giáp:

Phía đông giáp đường xóm dài 16,15m;

Phái tây giáp nhà ông Sơn, nhà ông Thông Thuông dài 16,15m;

Phía nam giáp nhà ông Phương Xứng dài 16m;

Phía bắc giáp đường xóm dài 10m.

[5] Về nợ chung: Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chị anh LKD, chị LTLH và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La đều công nhận theo HĐTD số 7905LAV202200249 ngày 15/4/2022. Số tiền gốc vay 300.000.000, đồng, thanh

toán trả nợ bằng lương của anh LKD, tính đến ngày 25/8/2023 đã trả 95.400.000, đồng còn nợ 204.600.000, đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh LKD là người trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về rút yêu cầu của người có quyền lợi liên quan bà LTB: Rút toàn bộ nội dung yêu cầu độc lập ngày 19/6/2023 là tự nguyện. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi nhà, đất, tiền thuê nhà của bà LTB.

[7] Về án phí:

Anh LKD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 63, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho anh LKD được ly hôn chị LTLH.

2. Về con chung:

Anh LKD trực tiếp nuôi con LNTL, sinh ngày 19/11/2014. Chị LTLH trực tiếp nuôi dưỡng con LBD, sinh ngày 05/02/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung:

Ghi nhận yêu cầu của anh LKD, chị LTLH, bà LTB như sau:

Anh LKD được quyền sở hữu: Về đất ở diện tích 210m², thuộc thửa số 105-1, tờ bản đồ 62, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri H 241926, số vào sổ GCN: 00161QSĐĐ/QĐ128, QĐ-UBND ngày 01/8/1993 mang tên LTB, địa chỉ thửa đất Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Được sang tên đổi chủ sử dụng đất cho anh LKD ngày 23/12/2013, theo HĐTC QSĐĐ số: 2776/48/SCTHĐCN-QSĐĐ ngày 12/12/2013. Trên đất có nhà xây 04 gian, cấp 4, diện tích 210m², xây dựng năm 2012. Các phía tiếp giáp:

Phía đông giáp đường xóm dài 16,15m;

Phải tây giáp nhà ông Sơn, nhà ông Thông Thuông dài 16,15m;

Phía nam giáp nhà ông Phương Xứng dài 16m;

Phía bắc giáp đường xóm dài 10m.

Anh LKD trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị LTLH là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Chia làm hai lần:

Lần một 100.000.000, đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 05/5/2023.

Lần hai 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng) vào ngày 31/12/2023.

Quyền lưu cư: Chị LTLH được quyền ở lại nhà đến hết tháng 02/2024.

5. Về nợ chung:

Anh LKD có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay theo HĐTD số 7905LAV202200249 ngày 15/4/2022. Số tiền còn phải thanh toán trả nợ là 204.600.000, đồng (hai trăm linh bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), theo định kỳ hạn trả nợ ngày 25 hằng tháng, cho đến khi thanh toán xong.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi nhà, đất, tiền thuê nhà của bà LTB.

7. Về án phí:

Anh LKD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003825 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn anh LKD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/9/2023.

Bị đơn chị LTLH; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTB. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường La, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND thị trấn Ít Ong, huyện Mường La,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

NGUYỄN MINH TUÂN

